

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 698 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy chế tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh
doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của
Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính,
đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp
Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của
Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài
sản tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của
Chính phủ về quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và
đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao
dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng
10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản
lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn
Nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính
phủ hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu*

nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19;

Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 138/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, ngày 08/3/2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP, ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, ngày 30/11/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh;

Theo đề nghị của Quyền Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh tại Tờ trình số 15/TTr-XSKT ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc phê duyệt Quy chế tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh, Công văn số 635/STC-TCĐT ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy chế tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh, với 05 Chương, 14 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Quy chế tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Người quản lý, Kiểm soát viên và người lao động Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Wh*

- Như Điều 3;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP; KT;
- Lưu: VT, VP.

Thường - KT *AG*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thắng



QUY CHẾ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 698 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh, Chi nhánh công ty, Ban lãnh đạo, Kiểm soát viên, các Trưởng Phó phòng, Giám đốc Chi nhánh và các cá nhân có liên quan đến hoạt động tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- “Công ty” là Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh.
- “Hoa hồng đại lý” là số tiền mà Công ty trả cho đại lý xổ số theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị vé xổ số đã bán.
- “Doanh thu có thuế” là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu có thuế để xác định các khoản chi hoa hồng đại lý, trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng, chi hỗ trợ phòng chống số đề, làm vé số giả.
- “Doanh thu tính thuế” là doanh thu có thuế tiêu thụ đặc biệt, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu tính thuế dùng để xác định số thuế giá trị gia tăng phải nộp.
- “Doanh thu chưa có thuế” là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu chưa có thuế để xác định thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp và kết quả kinh doanh của Công ty.
- Giải thích các từ ngữ khác được quy hiểu theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

Công ty chỉ được đầu tư ra bên ngoài đối với các ngành nghề liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số.

Điều 4. Quản lý sử dụng vốn và tài sản

- Công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả toàn bộ số vốn và tài sản do cơ quan đại diện chủ sở hữu đầu tư và các nguồn vốn hoạt động hợp

pháp khác để phục vụ cho hoạt động kinh doanh xổ số và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số theo quy định của pháp luật.

2. Việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định, khấu hao tài sản cố định, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài Công ty, quản lý hàng hóa tồn kho, quản lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả, kiểm kê, đánh giá lại tài sản của Công ty thực hiện theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các Quy chế do Công ty ban hành không trái với quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ

Điều 5. Doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm:

1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số: Là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ từ các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

2. Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng và kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số được pháp luật cho phép: Là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc cho thuê văn phòng, cung cấp dịch vụ theo đăng ký kinh doanh của Công ty.

3. Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi cho thuê tài chính; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, lợi nhuận, cổ tức được chia từ việc đầu tư ra ngoài Công ty (bao gồm cả phần lợi nhuận sau thuế sau khi để lại trích các quỹ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp sở hữu 100% vốn điều lệ và cổ tức được chia bằng cổ phiếu tại các công ty cổ phần).

4. Thu nhập khác gồm các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập, thu tiền phạt khách hàng, tiền phạt đại lý bán vé xổ số vi phạm hợp đồng, khoản tiền thu hộ vé số bán không hết của các tỉnh và các khoản thu nhập khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chi phí

1. Công ty được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1.1 Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và trong định mức chi phí của Công ty;

1.2 Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật;

1.3 Khoản chi có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

2. Công ty được trừ các khoản chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế đối với một số khoản chi phí đặc thù sau:

2.1. Chi phí trả thưởng.

a) Chi phí trả thưởng đối với loại hình xổ số truyền thống, xổ số lô tô thủ công (vé số tự chọn) và xổ số biết kết quả ngay là số tiền thực tế trả cho người trúng thưởng đối với các vé xổ số trúng thưởng theo quy định của pháp luật.

b) Công ty có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế thu nhập cá nhân phải nộp của người trúng thưởng xổ số theo quy định của pháp luật thuế.

2.2. Chi hoa hồng đại lý cho các đại lý xổ số.

a) Hoa hồng đại lý là số tiền mà doanh nghiệp kinh doanh xổ số trả cho đại lý xổ số để các đại lý này bán vé số.

b) Mức chi hoa hồng đại lý do công ty quy định cụ thể tại hợp đồng đại lý xổ số được ký giữa công ty và đại lý xổ số.

Mức chi hoa hồng đại lý phải đảm bảo nguyên tắc tối đa không được vượt quá 15% doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được phép kinh doanh bao gồm cả thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

c) Công ty chỉ thanh toán tiền hoa hồng đại lý cho đại lý xổ số sau khi đã hoàn tất việc xác nhận số lượng vé xổ số đại lý đó đã tiêu thụ được trong kỳ và đại lý xổ số đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ kinh tế ghi tại hợp đồng đại lý với Công ty.

d) Công ty có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế phải nộp của các đại lý xổ số trước khi thanh toán tiền cho đại lý xổ số theo quy định của pháp luật thuế.

2.3. Chi phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số.

a) Căn cứ chi hợp đồng đại lý đã ký giữa Công ty và đại lý xổ số; trong đó có điều khoản quy định về việc ủy quyền trả thưởng và các chứng từ chứng minh đại lý xổ số đã thanh toán giải thưởng cho khách hàng.

b) Mức chi ủy quyền trả thưởng là 0,2% tổng giá trị giải thưởng mà đại lý xổ số đã thanh toán theo ủy quyền;

c) Đại lý xổ số được ủy quyền trả thưởng không được thu bất cứ khoản phí nào của khách hàng trúng thưởng.

2.4. Chi phí quay số mở thưởng và chi cho công tác giám sát của Hội đồng giám sát xổ số

a) Chi phí quay số mở thưởng gồm chi phí thuê hội trường và các khoản chi phí khác mua hoặc thuê ngoài phục vụ cho công tác quay số mở thưởng.

b) Chi thù lao cho các thành viên Hội đồng giám sát xổ số do Sở Tài chính trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trên cơ sở đề xuất của công ty.

2.5. Chi phí hỗ trợ công tác phòng chống số đề, làm vé số giả

a) Nguyên tắc chi:

- Hỗ trợ trực tiếp cho cơ quan Công an và các cơ quan có liên quan tại địa phương hoặc trên địa bàn tổ chức hoạt động kinh doanh để thực hiện công tác điều tra, khám phá, thụ lý các vụ án, hành vi, vi phạm hành chính về phòng chống số đề, làm vé số giả.

- Phù hợp với khả năng tài chính của Công ty.

- Có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định pháp luật.

- Căn cứ chi là các bản sao bản án của Tòa án nhân dân, quyết định khởi tố vụ án hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính và biên lai nộp tiền phạt.

- Cơ quan Công an và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phân phối tiền hỗ trợ cho các đơn vị, cá nhân có thành tích một cách công khai, minh bạch tùy thuộc vào tính chất phức tạp của vụ án, số lượng người, đơn vị tham gia và thời gian điều tra vụ án.

b) Căn cứ tình hình thực tế, Công ty trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt mức chi hỗ trợ công tác phòng, chống số đề và làm vé số giả đảm bảo đúng đối tượng, định mức và nguyên tắc chi.

- Mức chi đối với các vụ án đã có bản án của Tòa án nhân dân tối đa là 50 triệu đồng/vụ án.

- Mức chi đối với các vụ việc đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính và biên lai nộp tiền phạt của người vi phạm tối đa bằng 50% số tiền xử phạt vi phạm hành chính nhưng không vượt quá 15 triệu đồng/vụ.

- Tổng mức chi cho công tác phòng, chống số đề, làm vé số giả quy định tại điểm 2.5, khoản 2, Điều 6 quy chế này trong năm tài chính thực hiện theo nguyên tắc: Không vượt quá 0,1% doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được phép kinh doanh bao gồm cả thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

2.6. Chi phí trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng.

a) Nguyên tắc trích lập:

- Công ty chỉ được phép trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đối với loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

- Tại thời điểm trích lập, Công ty không bị lỗ và có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số. Tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ được xác định:

$$\text{Tỷ lệ trả thưởng} = \frac{\text{Tổng chi phí trả thưởng thực tế đã thanh toán trong kỳ}}{\text{Tổng doanh thu có thuế phát sinh trong kỳ}} \times 100\%$$

thực tế

- Tại thời điểm trích lập, tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng của Công ty tối đa không được vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập.

b) Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định như sau:

Dự phòng rủi ro trả thưởng	=	Tổng doanh thu	Tỷ lệ trả thưởng	-	Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của Công ty.
		có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập	x		

c) Công ty được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính nếu đủ điều kiện trích lập theo quy định điểm a khoản 2.6 Điều này.

d) Công ty sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch.

- Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

- Công ty có số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định tại điểm a khoản 2.6 Điều này thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác.

2.7. Chi phí về vé xổ số.

Chi phí in vé xổ số theo giá thanh toán thực tế với cơ sở in, chi phí vận chuyển, xếp dỡ, bảo quản, phụ phí hợp lệ (nếu có) trên cơ sở hợp đồng kinh tế giữa Công ty và cơ sở in.

2.8. Chi phí thông tin vé xổ số và quay số mở thưởng, kết quả mở thưởng.

a) Chi phí thông tin vé xổ số, quay số mở thưởng và kết quả mở thưởng là các khoản chi để đưa thông tin kết quả mở thưởng trên đài phát thanh, truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác, chi phí in tờ rơi về thể lệ trả thưởng, kết quả mở thưởng phục vụ khách hàng và đại lý.

b) Căn cứ chi là hợp đồng kinh tế, hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo chế độ quy định của pháp luật về thuế.

2.9. Chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực.

- Mức đóng góp cụ thể được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và Nghị quyết của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực Miền Nam.

- Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực Miền Nam quản lý chi tiêu, Chủ tịch Hội đồng Xổ số kiến thiết khu vực miền Nam chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ các khoản chi theo quy định của pháp luật.

3. Các khoản chi khác được hạch toán chi phí theo quy định của pháp luật.

3.1. Chi phí liên quan đến phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường, nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp thì khoản chi này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

3.2. Chi phí khấu hao tài sản cố định được hạch toán vào chi phí theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3.3. Phần chi tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá đối với một số nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá đã được Công ty ban hành định mức.

3.4. Chi phí của doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ.

Trường hợp không có hóa đơn, được phép lập Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào theo mẫu số 01/TNDN kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC với các điều kiện sau:

- Mua hàng hóa, dịch vụ của cá nhân, hộ kinh doanh có mức doanh thu dưới ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng (100 triệu đồng/năm). Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của Công ty ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực.

3.5. Chi tiền lương, tiền công, tiền thưởng và các khoản phải trả khác cho người quản lý, kiểm soát viên và người lao động của Công ty.

a) Chi tiền lương, tiền công, tiền thưởng và các khoản phải trả khác cho người quản lý, kiểm soát viên và người lao động Công ty đã hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải có chứng từ thanh toán đúng theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản tiền lương, tiền thưởng, chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người quản lý, kiểm soát viên và người lao động được ghi cụ thể tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính; Quy chế Trả lương, thù lao – chi quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của Công ty.

c) Việc quyết toán và trích lập quỹ dự phòng tiền lương phải trả cho người quản lý, kiểm soát viên và người lao động thực hiện theo quy định của pháp luật

3.6. Chi trang phục bằng tiền và hiện vật cho người lao động.

a) Chi trang phục bằng tiền không vượt quá 05 (năm) triệu đồng/người/năm.

b) Chi trang phục bằng hiện vật phải có hóa đơn, chứng từ theo quy định.

3.7. Chi thưởng sáng kiến, cải tiến phải có quy chế, quy định cụ thể và phải có hội đồng nghiệm thu sáng kiến, cải tiến.

3.8. Chi phụ cấp tàu xe đi nghỉ phép đúng theo quy định của Bộ Luật Lao động và quy định của pháp luật.

3.9. Các khoản chi thêm cho lao động nữ bao gồm:

- Chi cho công tác đào tạo lại nghề cho lao động nữ trong trường hợp nghề cũ không còn phù hợp phải chuyển đổi sang nghề khác theo quy hoạch phát triển

của Công ty. Khoản chi này bao gồm: học phí (nếu có) + chênh lệch tiền lương ngạch bậc (đảm bảo 100% lương cho người đi học).

- Chi phí tổ chức khám sức khoẻ thêm trong năm như khám bệnh nghề nghiệp, mãn tính hoặc phụ khoa cho lao động nữ của Công ty.

- Chi bồi dưỡng cho lao động nữ sau khi sinh con lần thứ nhất hoặc lần thứ hai.

- Phụ cấp làm thêm giờ cho lao động nữ trong trường hợp vì lý do khách quan người lao động nữ không nghỉ sau khi sinh con, nghỉ cho con bú mà ở lại làm việc cho Công ty được trả theo chế độ hiện hành.

3.10. Trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người quản lý, kiểm soát viên, người lao động; không vượt mức 03 triệu đồng/tháng/người.

Khoản chi trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người quản lý, kiểm soát viên và người lao động phải được ghi cụ thể điều kiện hưởng và mức hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

3.11. Khoản chi trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động đúng quy định hiện hành.

3.12. Trích, lập và sử dụng các khoản dự phòng thực hiện theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính về trích lập dự phòng: dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi.

3.13. Các khoản chi phí trích trước theo kỳ hạn, theo chu kỳ.

a) Các khoản trích trước bao gồm: trích trước về sửa chữa lớn tài sản cố định theo chu kỳ, các khoản trích trước đối với hoạt động đã tính doanh thu nhưng còn tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng (kể cả trường hợp Công ty có hoạt động cho thuê tài sản, hoạt động kinh doanh dịch vụ trong nhiều năm nhưng có thu tiền trước của khách hàng và đã tính toàn bộ vào doanh thu của năm thu tiền) và các khoản trích trước khác.

b) Trường hợp Công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh đã ghi nhận doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng chưa phát sinh đầy đủ chi phí thì được trích trước các khoản chi phí theo quy định vào chi phí được trừ tương ứng với doanh thu đã ghi nhận khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Khi kết thúc hợp đồng, Công ty phải tính toán xác định chính xác số chi phí thực tế căn cứ các hoá đơn, chứng từ hợp pháp thực tế đã phát sinh để điều chỉnh tăng chi phí (trường hợp chi phí thực tế phát sinh lớn hơn số đã trích trước) hoặc giảm chi phí (trường hợp chi phí thực tế phát sinh nhỏ hơn số đã trích trước) vào kỳ tính thuế kết thúc hợp đồng.

c) Đối với những tài sản cố định việc sửa chữa có tính chu kỳ thì Công ty được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực

chi sửa chữa lớn hơn số trích theo dự toán thì Công ty được tính thêm vào chi phí được trừ số chênh lệch này.

3.14. Chi quảng cáo, tiếp thị, hoa hồng môi giới, chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị, chi hỗ trợ tiếp thị, chi hỗ trợ chi phí; chi cho, biếu, tặng hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng và các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

3.15. Chi tài trợ cho giáo dục (bao gồm cả chi tài trợ cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp) đúng đối tượng quy định tại tiết a và có hồ sơ xác định khoản tài trợ tại tiết b, điểm này dưới đây:

a) Tài trợ cho giáo dục gồm: tài trợ cho các trường học công lập, dân lập và tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của pháp luật về giáo dục mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các trường học; Tài trợ cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và hoạt động của trường học; Tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của trường; Tài trợ học bổng cho học sinh, sinh viên thuộc các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục (tài trợ trực tiếp cho học sinh, sinh viên hoặc thông qua các cơ sở giáo dục, thông qua các cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật); Tài trợ cho các cuộc thi về các môn học được giảng dạy trong trường học mà đối tượng tham gia dự thi là người học; tài trợ để thành lập các Quỹ khuyến học giáo dục theo quy định của pháp luật về giáo dục đào tạo.

b) Hồ sơ xác định khoản tài trợ cho giáo dục gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện Công ty là nhà tài trợ, đại diện của cơ sở giáo dục hợp pháp là đơn vị nhận tài trợ, học sinh, sinh viên (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) nhận tài trợ theo mẫu quy định của pháp luật về thuế; kèm theo hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

3.16. Chi tài trợ cho y tế đúng đối tượng quy định tại tiết a và có hồ sơ xác định khoản tài trợ tại tiết b, điểm này dưới đây:

a) Tài trợ cho y tế gồm: tài trợ cho các cơ sở y tế được thành lập theo quy định pháp luật về y tế mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các bệnh viện, trung tâm y tế đó; tài trợ thiết bị y tế, dụng cụ y tế, thuốc chữa bệnh; tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của bệnh viện, trung tâm y tế; chi tài trợ bằng tiền cho người bị bệnh thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật.

b) Hồ sơ xác định khoản tài trợ cho y tế gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện Công ty là nhà tài trợ, đại diện của đơn vị nhận tài trợ (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) theo mẫu quy định của pháp luật về thuế; kèm theo hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

3.17. Chi tài trợ cho việc khắc phục hậu quả thiên tai đúng đối tượng quy định tại tiết a và có hồ sơ xác định khoản tài trợ tại tiết b, điểm này dưới đây:

a) Tài trợ cho khắc phục hậu quả thiên tai gồm: tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật để khắc phục hậu quả thiên tai trực tiếp cho tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; cá nhân bị thiệt hại do thiên tai thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật.

b) Hồ sơ xác định khoản tài trợ cho việc khắc phục hậu quả thiên tai gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện Công ty là nhà tài trợ, đại diện của tổ chức bị thiệt hại do thiên tai (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) là đơn vị nhận tài trợ theo mẫu quy định của pháp luật về thuế; kèm theo hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

3.18. Chi tài trợ làm nhà cho người nghèo đúng đối tượng quy định tại tiết a và làm nhà đại đoàn kết Chi tài trợ làm nhà tình nghĩa, làm nhà cho người nghèo, làm nhà đại đoàn kết theo quy định của pháp luật có hồ sơ xác định khoản tài trợ tại tiết b, điểm này dưới đây:

a) Đối với chi tài trợ làm nhà cho người nghèo thì đối tượng nhận tài trợ là hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Hình thức tài trợ: tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật để xây nhà cho hộ nghèo bằng cách trực tiếp hoặc thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật.

b) Hồ sơ xác định khoản tài trợ làm nhà tình nghĩa, làm nhà cho người nghèo, làm nhà đại đoàn kết gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện Công ty là nhà tài trợ, người được hưởng tài trợ là bên nhận tài trợ theo mẫu quy định của pháp luật về thuế; văn bản xác nhận hộ nghèo của chính quyền địa phương (đối với tài trợ làm nhà cho người nghèo); hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

Trường hợp bên nhận tài trợ là cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ thì hồ sơ xác định khoản tài trợ bao gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện Công ty là nhà tài trợ và cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ là bên nhận tài trợ; hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

3.19. Chi tài trợ cho các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật, chi tài trợ theo chương trình của Nhà nước dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Chi tài trợ theo chương trình của Nhà nước là chương trình được Chính phủ quy định thực hiện ở các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (bao gồm cả khoản tài trợ của doanh nghiệp cho việc xây dựng cầu mới dân sinh ở địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

a) Chi tài trợ cho các đối tượng chính sách thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

b) Hồ sơ xác định khoản tài trợ theo chương trình của Nhà nước dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Tài trợ của Công ty cho việc xây dựng cầu mới dân sinh ở địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Tài trợ cho các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện Công ty là nhà tài trợ, người được hưởng tài trợ (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) là bên nhận tài trợ (theo mẫu đúng quy định); hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

3.20. Công ty chi ủng hộ, tài trợ bằng tiền, hiện vật cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam thông qua các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ được quy định tại tiết a, b điểm này.

a) Đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ bao gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; cơ sở y tế; đơn vị lực lượng vũ trang; đơn vị, tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ làm cơ sở cách ly tập trung; cơ sở giáo dục; cơ quan báo chí; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức đảng, đoàn thanh niên, công đoàn các cấp ở trung ương và địa phương; cơ quan, đơn vị chính quyền địa phương các cấp có chức năng huy động tài trợ; Quỹ phòng, chống dịch Covid-19 các cấp; Cổng thông tin điện tử nhân đạo quốc gia; quỹ từ thiện, nhân đạo và tổ chức có chức năng huy động tài trợ được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ có trách nhiệm sử dụng, phân phối đúng mục đích của khoản ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 đã tiếp nhận.

b) Hồ sơ xác định khoản chi ủng hộ, tài trợ gồm có: Biên bản xác nhận ủng hộ, tài trợ theo mẫu quy định hoặc văn bản, tài liệu (hình thức giấy hoặc điện tử) xác nhận khoản chi ủng hộ, tài trợ có chữ ký, đóng dấu của người đại diện Công ty là bên ủng hộ, tài trợ và đại diện của đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ; kèm theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật của khoản ủng hộ, tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật.

3.21. Các khoản thực chi cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại nơi làm việc của Công ty, bao gồm: Chi phí đào tạo cán bộ phòng, chống HIV/AIDS của Công ty, chi phí tổ chức truyền thông phòng, chống HIV/AIDS cho người quản lý, kiểm soát viên, người lao động của Công ty, phí thực hiện tư vấn, khám và xét nghiệm HIV, chi phí hỗ trợ người nhiễm HIV là người quản lý, kiểm soát viên, người lao động của Công ty.

3.22. Khoản thực chi để thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác theo quy định của pháp luật có liên quan. Mức chi do giám đốc quyết định căn cứ theo kế hoạch chi hàng năm.

3.23. Khoản thực chi để hỗ trợ cho Đảng bộ, tổ chức chính trị xã hội trong Công ty: chi hỗ trợ Đảng bộ Công ty, chi hỗ trợ Công đoàn cơ sở, Chi đoàn TNCS

Hồ Chí Minh... Mức chi do giám đốc quyết định căn cứ theo kế hoạch chi hàng năm của Đảng bộ Công ty, Công đoàn cơ sở, Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

3.24. Khoản chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nghề nghiệp cho người lao động bao gồm:

a) Chi phí trả cho người dạy, tài liệu học tập, thiết bị dùng để hoạt động giáo dục nghề nghiệp, vật liệu thực hành, các chi phí khác hỗ trợ cho người học.

b) Chi phí đào tạo của Công ty cho người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty.

3.25. Khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người quản lý, kiểm soát viên, người lao động như: chi khám sức khỏe, chi khám bệnh và gia đình người quản lý, kiểm soát viên, người lao động; chi nghỉ mát, chi hỗ trợ thăm và điều trị bệnh cho người quản lý, kiểm soát viên, người lao động; nghỉ thai sản, nhập viện, bị bệnh hiểm nghèo; chi hỗ trợ gia đình người quản lý, kiểm soát viên, người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai, địch họa, tai nạn, ốm đau; chi hỗ trợ con của người quản lý, kiểm soát viên, người lao động có thành tích tốt trong học tập; đồng phục, sách giáo khoa và dịp lễ Quốc tế Thiếu nhi, tết Trung thu; chi tham quan du lịch do công ty tổ chức hoặc hỗ trợ đi tự túc; hỗ trợ tham gia hội thao, giao lưu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao khu vực; chi hỗ trợ bổ sung kiến thức học tập tại cơ sở đào tạo; chi khen thưởng; chi hỗ trợ chi phí đi lại ngày lễ, Tết cho người quản lý, kiểm soát viên, người lao động; tổ chức liên hoan, tặng quà kỷ niệm các ngày lễ, Tết, chia tay người quản lý, kiểm soát viên, người lao động nghỉ hưu; tổ chức các phong trào văn hóa văn nghệ, thể thao và chi bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tự nguyện cho người quản lý, kiểm soát viên, người lao động những khoản chi có tính chất phúc lợi khác.

Công ty ban hành quy định, định mức chi có tính chất phúc lợi mà tổng số chi có tính chất phúc lợi nêu trên không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của Công ty.

3.26. Ngoài các khoản trên, Công ty được hạch toán vào chi phí kinh doanh một số khoản chi phí khác được pháp luật cho phép.

Chương III

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ

Điều 7. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận của Công ty được xác định theo quy định của pháp luật về kế toán sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và Điều 2 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP thứ tự như sau:

1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).

2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.

3. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự như sau:

a) Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển của Công ty. Trường hợp Công ty đã được đầu tư đủ vốn điều lệ thì không được trích quỹ đầu tư phát triển.

b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong Công ty theo quy định của pháp luật:

- Công ty xếp loại A được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Công ty xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Công ty xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Công ty không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

c) Trích quỹ thưởng người quản lý Công ty, kiểm soát viên theo quy định của pháp luật:

- Công ty xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý Công ty, kiểm soát viên;

- Công ty xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý Công ty, kiểm soát viên;

- Công ty xếp loại C hoặc Công ty không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý Công ty, kiểm soát viên.

d) Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển quy định tại điểm a khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý Công ty, kiểm soát viên theo mức quy định thì Công ty được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý Công ty, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

đ) Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại các điểm a, b, c, khoản này được nộp về ngân sách nhà nước.

Điều 8. Mục đích sử dụng các quỹ

Việc quản lý, sử dụng và quyết toán các quỹ của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Cụ thể:

1. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ cho Công ty.

2. Quỹ khen thưởng được dùng để:

a) Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng cho người lao động, tập thể trong doanh nghiệp (bao gồm cả người quản lý doanh nghiệp làm việc theo hợp đồng lao động). Không dùng quỹ khen thưởng của doanh nghiệp để chi thưởng cho đối tượng là người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm (trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng).

b) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

Mức thưởng theo quy định tại các điểm a, b, c khoản này do Giám đốc quyết định.

Điều kiện được hưởng và mức chi cụ thể quy định tại Quy chế Trả lương, thù lao – chi quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của Công ty.

3. Quỹ phúc lợi được dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của tập thể người lao động trong Công ty.

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.

d) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để chi cho người quản lý và người lao động tham quan du lịch, lễ, Tết.

e) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội. Các khoản chi khác có tính chất phúc lợi xã hội, hỗ trợ phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục.

Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Giám đốc công ty quyết định sau khi tham khảo ý kiến của công đoàn Công ty.

Điều kiện được hưởng và mức chi cụ thể quy định tại Quy chế Trả lương, thù lao – chi quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của Công ty.

4. Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định. Mức thưởng theo quy định hiện hành.

5. Việc trích lập và sử dụng các quỹ nói trên phải được chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

Chương IV

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO, CÔNG KHAI TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 9. Kế hoạch tài chính

1. Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh doanh của Công ty đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, Công ty xây dựng kế hoạch 05 năm (bao gồm chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm) và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

2. Sau khi được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, Chủ tịch công ty quyết định kế hoạch 05 năm (bao gồm chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm) và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm.

3. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Chủ tịch công ty quyết định, Công ty thực hiện đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính theo quy định.

4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp rà soát lại kế hoạch tài chính do Công ty lập và có ý kiến chính thức bằng văn bản để Công ty hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính cùng cấp giám sát, đánh giá, quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 10. Kế toán, thống kê

1. Công ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành, phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động tài chính.

2. Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 11. Báo cáo tài chính và các báo cáo khác

1. Ngoài các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê được lập, gửi cho các cơ quan quản lý nhà nước và thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành, định kỳ hàng quý, kết thúc năm, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải lập và gửi các báo cáo sau:

a) Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh (Mẫu số 01/BCXS).

b) Báo cáo tình hình tiêu thụ vé (Mẫu số 02/BCXS).

c) Báo cáo tình hình thực hiện kỳ hạn nợ và đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của đại lý xổ số (Mẫu số 03/BCXS).

d) Báo cáo tình hình chi trả hoa hồng đại lý xổ số và chi ủy quyền trả thưởng của đại lý xổ số (Mẫu số 04/BCXS).

đ) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước (Mẫu số 05/BCXS).

2. Các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Tài chính cùng với thời điểm gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ngoài ra, thời hạn nộp và nơi nhận báo cáo, công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Tài chính có yêu cầu thực hiện báo cáo đột xuất, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải thực hiện việc lập và gửi báo cáo theo yêu cầu.

4. Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Điều 12. Kiểm toán, kiểm tra, công khai báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Công ty chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền có liên quan theo quy định của pháp luật. Chậm nhất là mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế, kết luận thanh tra, Công ty phải gửi báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quyết toán thuế, kết luận thanh tra cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Tài chính (Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính).

3. Công ty phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Trách nhiệm của Công ty

1. Tuân thủ chấp hành quy định về quản lý tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện đánh giá và xếp loại doanh nghiệp hàng năm theo quy định của pháp luật;

3. Thực hiện công khai thông tin tài chính theo quy định của pháp luật;

4. Chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, phải kịp thời báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu để có chủ trương, ý kiến chỉ đạo thực hiện.

2. Trong trường hợp các quy định của pháp luật có sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới làm cho Quy chế này có điều khoản không còn phù hợp thì điều khoản đó không được thi hành mà áp dụng theo quy định mới của pháp luật./.